

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 127/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 21 – 7 – 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Bà Phan Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2022/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2022/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp HH, xã HBT, huyện CT, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị Cẩm H, sinh năm 1993

Địa chỉ: số A/B, tổ C, khóm BĐ, phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Ông Đ vắng mặt, bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2022 và tại biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phan Văn Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà H tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2010 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Hôn nhân lần đầu của ông và lần thứ 2 của bà H. Quá trình chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 (một) con chung tên Trương Phan Minh K sinh ngày 09/01/2012. Ông đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Trương Thị Cẩm H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ tự nguyện thương yêu nhau và sống như vợ chồng vào năm 2011. Đây là hôn nhân lần thứ 2 của bà và lần thứ nhất của ông Đ. Đến nay, ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà vì con nhiều lần khuyên lơn nhưng không có kết quả. Nay, nhận thấy mối quan hệ hôn nhân giữa đôi bên không có hạnh phúc nên bà thống nhất yêu cầu ly hôn của ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 (một) con chung tên Trương Phan Minh K sinh ngày 09/01/2012. Thời gian qua, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên bà có mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Đ không có tài sản chung và nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Phan Văn Đ và bà Trương Thị Cẩm H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Ông Phan Văn Đ có đơn đề ngày 14/6/2022 về việc đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của ông Đ và bà H, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, ông Đ và bà H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2011 đến nay không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của ông bà vi phạm Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử không xem xét về mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà mà áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận ông Phan Văn Đ và bà Trương Thị Cẩm H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Trương Phan Minh K sinh ngày 09/01/2012. Xét thấy, cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Để ổn định về đời sống, tâm lý của cháu K, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc giao con bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông Đ đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001274 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Phan Văn Đ và bà Trương Thị Cẩm H không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Đ và bà H có 01 (một) con chung tên Trương Phan Minh K sinh ngày 09/01/2012. Bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Bà H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông Đ đã nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001274 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đ sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh